

Biểu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương

Chương: 417

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Quý IV năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023 (đã bao gồm dự toán năm 2022 chuyển sang và dự toán bổ sung)	Ước thực hiện quý IV năm 2023	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Chi quản lý hành chính	6.807,456191	1.870,647849	41,18	241,39
01	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>4.983,422491</i>	<i>1.227,850849</i>		
02	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>1.459,033700</i>	<i>277,797000</i>		
03	<i>Kinh phí tiết kiệm (thực hiện cải cách tiền lương)</i>	<i>365,000000</i>	<i>365,000000</i>		
II	Chi sự nghiệp khoa học	28.297,589300	5.210,053391	18,41	103,13
01	<i>Chi nghiên cứu khoa học</i>	<i>18.608,589300</i>	<i>4.280,872957</i>		
1.1	Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh	17.525,589300	3.745,434057		
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tổng kết, nghiệm thu các đề tài, dự án; Công tác tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh	1.083,000000	535,438900		
02	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng</i>				
03	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>1.941,000000</i>	<i>872,520434</i>		
3.1	Hoạt động KHCN của 12 huyện, thành phố, thị xã	360,000000	141,364000		
3.2	Hoạt động quản lý nhà nước về KHCN (Quản lý công nghệ an toàn bức xạ hạt nhân; Sở hữu trí tuệ; Thanh tra KH&CN; Đào tạo; Nghiệp vụ Quản lý KH&CN; Xét và công nhận sáng kiến cấp tỉnh; Nghiệp vụ Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng) và Chương trình: Ứng dụng KH&CN phát triển NN công nghệ cao, NN hữu cơ tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	1.581,000000	731,156434		
04	<i>Kinh phí tiết kiệm (thực hiện cải cách tiền lương)</i>	<i>7.748,000000</i>	<i>56,660000</i>		
Tổng cộng		35.105,045491	7.080,701240		

Hải Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 

Nguyễn Duy Hưng

THUYẾT MINH ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Quý IV năm 2023

TT	Nội dung chi	Ước thực hiện (Triệu đồng)
I	Chi quản lý hành chính	1.870,647849
01	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.227,850849
	- Tiền lương theo ngạch, bậc	510,786547
	- Tiền công hợp đồng lao động	89,400000
	- Phụ cấp lương	224,166956
	- Chi khen thưởng thi đua	34,964000
	- Phúc lợi tập thể	23,934350
	- Các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	139,576899
	- Chi thanh toán khác cho cá nhân	56,800000
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	40,711988
	- Vật tư văn phòng	8,497510
	- Thông tin, tuyên truyền liên lạc	8,903688
	- Công tác phí	26,600000
	- Chi phí thuê mượn (thuê máy photo copy, tiền công hợp đồng lao động,...)	40,943476
	- Chi khác (tiền phí, lệ phí; tiếp khách; chi các nội dung khác,...)	13,007435
	- Chi phụ cấp đảng ủy	9,558000
02	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	277,797000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	261,135000
	- Chi khác	16,662000
03	Kinh phí tiết kiệm (thực hiện cải cách tiền lương)	365,000000
	- Tiền lương theo ngạch, bậc	231,833645
	- Phụ cấp lương	77,162430
	- Các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	52,748925
	- Chi phụ cấp đảng ủy	3,255000
II	Chi sự nghiệp khoa học	5.210,053391
01	Chi nghiên cứu khoa học	4.280,872957
1.1	Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh	3.745,434057

TT	Nội dung chi	Ước thực hiện (Triệu đồng)
1.1.1	<i>Loại 100 khoản 101 (Lĩnh vực: khoa học nông nghiệp; khoa học y, dược)</i>	3.426,445557
	1. Đề tài: Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống hồng ngâm trên đất gò, đồi thấp tại tỉnh Hải Dương	301,445557
	2. Đề tài: Nghiên cứu sản xuất cốm vi sinh từ hai chủng lợi khuẩn Bacillus subtilis và Bacillus clausii phân lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương	454,000000
	3. Đề tài: Nghiên cứu phát triển sản phẩm hỗ trợ hạ đường huyết và tăng cường miễn dịch từ đông trùng hạ thảo (Cordyceps Militaris) nuôi trồng tại Hải Dương	402,000000
	4. Đề tài: Xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm giống nghé N8, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại tỉnh Hải Dương	100,000000
	5. Đề tài: Nghiên cứu bào chế dung dịch xịt hỗ trợ điều trị tổn thương da từ nano bạc và một số dược liệu trên địa bàn tỉnh Hải Dương	248,000000
	6. Đề tài: Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá trê vàng (Clarias macrocephalus) theo hướng VietGAP phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương	285,000000
	7. Đề tài: Xây dựng mô hình trồng một số cây dược liệu theo hướng GACP - WHO phục vụ sản xuất thuốc chữa bệnh với quy mô công nghiệp dược trên địa bàn tỉnh Hải Dương	156,000000
	8. Đề tài: Xây dựng mô hình sản xuất khoai tây KT7 chọn tạo trong nước, năng suất cao, kháng bệnh mốc sương trên địa bàn tỉnh Hải Dương	391,000000
	9. Đề tài: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất thương phẩm khoai tây Bliss theo hướng liên kết tiêu thụ sản phẩm tại Hải Dương	207,000000
	10. Đề tài: Xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm ngô đường lai Thái Ngọt số 2 trên địa bàn tỉnh Hải Dương	93,000000
	11. Dự án: Phát triển sản xuất giống lúa lai thơm 6 đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Hải Dương	664,000000
	12. Đề tài: Xây dựng mô hình sản xuất dưa chuột VC09 theo hướng VietGAP trên địa bàn tỉnh Hải Dương	113,000000
	13. Đề tài: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm SHST53 và CT1234 theo hướng an toàn sinh học, hiệu quả kinh tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương	12,000000
1.1.2	<i>Loại 100 khoản 102 (Lĩnh vực: khoa học xã hội)</i>	318,988500
	1. Đề tài: Nghiên cứu các yếu tố tác động đến quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hải Dương	203,000000
	2. Đề tài: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn có khu, cụm công nghiệp tại tỉnh Hải Dương	115,988500
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tổng kết, nghiệm thu các đề tài, dự án; Công tác tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh	535,438900

TT	Nội dung chi	Ước thực hiện (Triệu đồng)
02	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	872,520434
2.1	Hoạt động KHCN của 12 huyện, thành phố, thị xã	141,364000
2.2	Hoạt động quản lý nhà nước về KHCN (Quản lý công nghệ an toàn bức xạ hạt nhân; Sở hữu trí tuệ; Thanh tra Khoa học và công nghệ; Đào tạo; Nghiệp vụ Quản lý KH&CN; Xét và công nhận sáng kiến cấp tỉnh; Nghiệp vụ Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng) và Chương trình: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	731,156434
	- Phụ cấp lương (tiền làm thêm giờ)	91,956000
	- Vật tư văn phòng	17,830106
	- Thông tin tuyên truyền liên lạc	2,472338
	- Công tác phí	99,834400
	- Chi phí thuê mướn (thuê xe ô tô, máy photo copy, đào tạo cán bộ)	151,529300
	- Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	33,529360
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	81,274360
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	251,715236
	- Chi khác	1,015334
03	Kinh phí tiết kiệm (thực hiện cải cách tiền lương)	56,660000
	- Tiền lương theo ngạch, bậc	28,881671
	- Phụ cấp lương	16,394440
	- Các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	9,616889
	- Chi phụ cấp đảng ủy	1,767000
Tổng cộng (I+II)		7.080,701240

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Vũ Thị Thanh Thủy

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH



Nguyễn Duy Hưng